



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 22 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 12 ngày 22 tháng 11 năm 2017. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Phạm Duy Hạnh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Thành viên
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thân Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Kim	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Giám đốc điều hành
	Bà Phạm Bích Hồng	Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Thế Nhu	Giám đốc điều hành	

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-298-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2014-007-1

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.032.152.793.430	1.002.251.570.842
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	22.770.975.682	148.153.352.677
Tiền	111		21.763.946.938	91.553.352.677
Các khoản tương đương tiền	112		1.007.028.744	56.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345.200.318.041	381.468.837.811
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	281.990.891.619	334.806.988.156
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.386.473.842	28.445.499.772
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	25.890.387.529	20.283.784.832
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.067.434.949)	(2.067.434.949)
Hàng tồn kho	140	12	629.553.360.718	452.685.264.125
Hàng tồn kho	141		632.080.932.204	456.317.985.567
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.527.571.486)	(3.632.721.442)
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.628.138.989	19.944.116.229
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.716.437.867	1.874.744.283
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.458.050.122	17.615.720.946
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		453.651.000	453.651.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		404.078.399.892	361.868.330.955
Các khoản phải thu dài hạn	210		38.472.959.488	36.914.670.215
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	9	2.067.434.949	2.067.434.949
Phải thu về cho vay dài hạn	215		9.702.887.534	9.702.887.534
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	26.702.637.005	25.144.347.732
Tài sản cố định	220		277.847.221.390	289.257.534.628
Tài sản cố định hữu hình	221	13	273.621.539.802	286.857.325.261
<i>Nguyên giá</i>	222		1.113.883.637.687	1.067.775.753.624
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(840.262.097.885)	(780.918.428.363)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	226.200.000	273.000.000
<i>Nguyên giá</i>	225		280.800.000	280.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(54.600.000)	(7.800.000)
Tài sản cố định vô hình	227	15	3.999.481.588	2.127.209.367
<i>Nguyên giá</i>	228		9.465.099.483	6.787.099.483
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.465.617.895)	(4.659.890.116)
Tài sản dở dang dài hạn	240		59.338.531.622	6.387.971.110
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	59.338.531.622	6.387.971.110
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.097.321.861	1.097.321.861
Đầu tư vào công ty con	251	17	1.097.321.861	1.097.321.861
Tài sản dài hạn khác	260		27.322.365.531	28.210.833.141
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	27.322.365.531	28.210.833.141
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.436.231.193.322	1.364.119.901.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.092.291.034.191	995.689.488.381
Nợ ngắn hạn	310		865.171.677.550	805.382.755.357
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	326.031.822.805	254.619.824.040
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.647.575.196	36.161.584.788
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	4.129.832.692	3.305.954.676
Phải trả người lao động	314		93.122.987.348	148.038.272.750
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.837.331.557	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	4.001.443.346	1.909.961.909
Vay ngắn hạn	320	22(a)	384.280.864.522	358.848.468.425
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	10.119.820.084	2.498.688.769
Nợ dài hạn	330		227.119.356.641	190.306.733.024
Phải trả người bán dài hạn	331	19	208.571.000	208.571.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		63.829.204.261	46.829.462.331
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	12.110.066.540	12.142.634.310
Vay dài hạn	338	22(b)	141.418.295.729	120.445.161.583
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		9.553.219.111	10.680.903.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		343.940.159.131	368.430.413.416
Vốn chủ sở hữu	410	24	343.940.159.131	368.430.413.416
Vốn cổ phần	411	25	189.000.000.000	189.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		189.000.000.000	189.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.268.000.000	46.268.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	81.448.819.147	76.276.819.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.223.339.984	56.885.594.269
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ/năm trước	421a		2.177.594.269	5.161.780.485
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		25.045.745.715	51.723.813.784
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.436.291.093.322	1.364.119.901.797

Ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

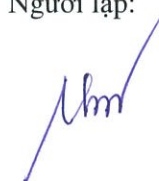
Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.258.820.870.382	1.378.637.896.637
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	245.234.605	262.933.355
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.258.575.635.777	1.378.374.963.282
Giá vốn hàng bán	11		1.054.849.438.826	1.166.205.020.529
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		203.726.196.951	212.169.942.753
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	7.118.763.344	9.067.169.428
Chi phí tài chính	22	31	14.476.765.956	10.659.712.115
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.897.315.364	5.580.917.848
Chi phí bán hàng	25	32	74.650.786.856	83.484.553.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	93.294.422.753	96.392.814.286
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		28.422.984.730	30.700.032.400
Thu nhập khác	31	34	1.510.255.927	1.162.812.546
Chi phí khác	32		743.655.157	1.421.994.580
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		766.600.770	(259.182.034)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.189.585.500	30.440.850.366
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	4.143.839.785	5.219.344.507
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		25.045.745.715	25.221.505.859


Ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Tạ Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Bích Hồng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		29.189.585.500	30.440.850.366
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		72.905.187.754	67.857.684.397
Các khoản dự phòng	03		(1.105.149.956)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.743.170.605	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(606.275.855)	(1.397.003.136)
Chi phí lãi vay	06		7.897.315.364	5.580.917.848
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		112.023.833.412	102.482.449.475
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		18.726.902.135	(42.582.026.984)
Biến động hàng tồn kho	10		(175.762.946.637)	(207.913.795.359)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		28.676.677.319	40.143.681.724
Biến động chi phí trả trước	12		1.072.238.080	10.654.247.875
			(15.263.295.691)	(97.215.443.269)
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.017.217.067)	(5.580.917.848)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.508.430.545)	(4.207.409.646)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		481.261.877	134.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.011.130.562)	(15.336.895.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.318.811.988)	(122.206.065.795)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(98.814.983.260)	(54.235.801.192)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		152.350.909	1.390.264.975
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(15.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		453.924.946	842.885.862
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98.208.707.405)	(67.002.650.355)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

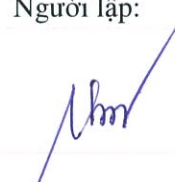
Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		548.288.680.246	644.795.764.026
Tiền trả nợ gốc vay	34		(506.183.000.627)	(576.140.611.331)
Tiền trả cổ tức	36		(33.980.758.884)	(27.187.570.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.124.920.735	41.467.582.695
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(125.402.598.658)	(147.741.133.455)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	148.153.352.677	223.639.575.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.221.663	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	22.770.975.682	75.898.441.838

Ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Tạ Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Bích Hồng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng công ty có 1 công ty con (1/1/2018: 1 công ty con) được trình bày tại Thuyết minh 17.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng công ty có 7.360 nhân viên (1/1/2018: 7.240 nhân viên).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc thiết bị	2 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 – 5 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Giá mua tài sản cố định vô hình khác là chi phí làm phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 và chi phí xây dựng website May 10 được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các cửa hàng, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng trong vòng 18 tháng đến 48 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê (nếu có).

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty con của Tổng công ty, Tập đoàn Dệt may Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Tổng công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.043.392.455	1.654.666.251
Tiền gửi ngân hàng	20.653.803.808	89.898.686.426
Tiền đang chuyển	66.750.675	-
Các khoản tương đương tiền	1.007.028.744	56.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	22.770.975.682	148.153.352.677
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Oktava Hong Kong Limited	41.857.388.255	17.004.821.274
Lever Shirt Limited	32.983.570.810	77.831.467.589
Brandtex A/C	27.076.864.484	41.494.361.256
Các khách hàng khác	182.140.503.019	200.543.772.986
	<hr/>	<hr/>
	284.058.326.568	336.874.423.105
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	281.990.891.619	334.806.988.156
Dài hạn	2.067.434.949	2.067.434.949
	<hr/>	<hr/>
	284.058.326.568	336.874.423.105
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng	397.653.198	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thiệu Đô	12.621.288.877	2.294.331.957
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	2.794.767.231	6.092.704.925
	15.813.709.306	8.387.036.882

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô (công ty liên quan) từ tiền khách hàng ứng trước (*)	19.469.554.440	16.144.143.510
Tạm ứng cho nhân viên	2.284.793.000	850.000.000
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất	668.359.200	941.280.600
Phải thu ngắn hạn khác	3.467.680.889	2.348.360.722
	25.890.387.529	20.283.784.832

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô (công ty liên quan) từ tiền khách hàng ứng trước (*)	20.330.040.000	23.752.920.000
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước	5.000.000.000	-
Đặt cọc dài hạn	1.264.066.397	1.280.346.324
Phải thu dài hạn khác	108.530.608	111.081.408
	26.702.637.005	25.144.347.732

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào giá gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2018 và 1/1/2018		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn Huệ Nguyễn Glee Co	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(2.067.434.949)	

12. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	19.078.246.855	-	39.052.096.639	-
Nguyên vật liệu	346.591.792.416	-	222.373.346.359	-
Công cụ và dụng cụ	2.071.982.971	-	1.753.168.848	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.758.723.831	-	33.666.799.190	-
Thành phẩm	129.941.180.897	(2.527.571.486)	116.621.116.768	(3.632.721.442)
Hàng hóa	19.136.049.668	-	22.149.404.416	-
Hàng gửi đi bán	59.502.955.566	-	20.702.053.347	-
	632.080.932.204	(2.527.571.486)	456.317.985.567	(3.632.721.442)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 5.595 triệu VND thành phẩm (1/1/2018: 6.923 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	255.673.312.086	684.749.251.871	47.863.411.772	79.489.777.895	1.067.775.753.624
Tăng trong kỳ	-	52.230.720.917	561.818.182	2.240.557.876	55.033.096.975
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	1.298.408.479	-	-	1.298.408.479
Thanh lý	(32.700.000)	(9.530.159.038)	-	(660.762.353)	(10.223.621.391)
Số dư cuối kỳ	255.640.612.086	728.748.222.229	48.425.229.954	81.069.573.418	1.113.883.637.687
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	173.347.346.142	519.893.792.987	33.084.648.020	54.592.641.214	780.918.428.363
Phân loại lại	-	(229.019.815)	-	229.019.815	-
Khấu hao trong kỳ	10.744.886.522	52.978.388.633	3.104.265.131	5.717.804.378	72.545.344.664
Thanh lý	(32.700.000)	(9.530.159.038)	-	(660.762.353)	(10.223.621.391)
Giảm khác	(2.978.053.751)	-	-	-	(2.978.053.751)
Số dư cuối kỳ	181.081.478.913	563.113.002.767	36.188.913.151	59.878.703.054	840.262.097.885
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	82.325.965.944	164.855.458.884	14.778.763.752	24.897.136.681	286.857.325.261
Số dư cuối kỳ	74.559.133.173	165.635.219.462	12.236.316.803	21.190.870.364	273.621.539.802

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 562.272 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 469.510 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 56.004 triệu VND (1/1/2018: 54.949 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 22(b)).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	280.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.800.000
Khấu hao trong kỳ	46.800.000
Số dư cuối kỳ	54.600.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	273.000.000
Số dư cuối kỳ	226.200.000

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	3.901.101.835	697.997.648	2.188.000.000	6.787.099.483
Tăng trong kỳ	908.000.000	-	1.770.000.000	2.678.000.000
Số dư cuối kỳ	4.809.101.835	697.997.648	3.958.000.000	9.465.099.483
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.781.835.163	697.997.648	1.180.057.305	4.659.890.116
Khấu hao trong kỳ	305.033.327	-	500.694.452	805.727.779
Số dư cuối kỳ	3.086.868.490	697.997.648	1.680.751.757	5.465.617.895
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.119.266.672	-	1.007.942.695	2.127.209.367
Số dư cuối kỳ	1.722.233.345	-	2.277.248.243	3.999.481.588

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.132 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 3.132 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng. 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	6.387.971.110	632.309.393
Tăng trong kỳ	54.274.433.045	1.619.071.288
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(1.298.408.479)	(1.023.050.079)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 18)	(25.464.054)	(2.297.900)
Số dư cuối kỳ	59.338.531.622	1.226.032.702

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm Tổng công ty	35.884.913.003	6.387.971.110
Đất và tài sản gắn liền với đất mua từ trung tâm bán đấu giá tài sản Tỉnh Nam Định	23.000.123.000	-
Dự án cải tạo nhà 3 tầng	441.601.074	-
Tài sản khác	11.894.545	-
	59.338.531.622	6.387.971.110

17. Đầu tư vào công ty con

Địa chỉ	30/6/2018 và 1/1/2018		Giá trị hợp lý VND
	% sở hữu và biểu quyết	Giá gốc VND	
Công ty TNHH May Phù Đổng Hà Nội, Việt Nam	60,97%	1.097.321.861	(*)

(*) Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	9.007.767.182	2.102.693.328	17.100.372.631	28.210.833.141
Tăng trong kỳ	3.713.208.631	-	7.474.787.774	11.187.996.405
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	25.464.054	-	-	25.464.054
Phân bổ trong kỳ	(5.350.929.241)	(786.453.336)	(5.964.545.492)	(12.101.928.069)
Số dư cuối kỳ	7.395.510.626	1.316.239.992	18.610.614.913	27.322.365.531

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Levertex Limited	55.272.455.237	87.083.638.373
Collins Co., Ltd	41.540.387.996	-
Suzhou Fortune Import & Export Co., Ltd	32.696.438.694	5.253.342.803
Công ty TNHH G.M.I	11.073.185.900	11.702.271.100
Các nhà cung cấp khác	185.657.925.978	150.789.142.764
	326.240.393.805	254.828.395.040

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	326.031.822.805	254.619.824.040
Dài hạn	208.571.000	208.571.000
	326.240.393.805	254.828.395.040

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng	3.621.641.369	3.796.490.595
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thiệu Đô	2.885.270.060	4.124.403.632
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	90.000.000
	<u>6.506.911.429</u>	<u>8.010.894.227</u>

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018	Số phải nộp	Số đã nộp/	30/6/2018
	VND	trong kỳ	khấu trừ	VND
		VND	trong kỳ	
			VND	
Thuế giá trị gia tăng	752.181.836	11.911.604.388	(11.273.407.314)	1.390.378.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.537.711.336	4.143.839.785	(3.508.430.545)	2.173.120.576
Thuế thu nhập cá nhân	604.880.140	6.818.580.832	(7.224.863.003)	198.597.969
Thuế nhà thầu	338.732.671	262.870.372	(469.340.748)	132.262.295
Thuế xuất nhập khẩu	72.448.693	503.077.482	(340.053.233)	235.472.942
Thuế đất	-	4.417.660.007	(4.417.660.007)	-
Các loại thuế khác	-	54.760.900	(54.760.900)	-
	<u>3.305.954.676</u>	<u>28.112.393.766</u>	<u>(27.288.515.750)</u>	<u>4.129.832.692</u>

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.714.014.127	441.215.674
Cổ tức phải trả	279.775.743	240.534.627
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.007.653.476	1.228.211.608
	<u>4.001.443.346</u>	<u>1.909.961.909</u>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đặt cọc dài hạn	2.110.066.540	2.142.634.310
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
	<hr/> 12.110.066.540	<hr/> 12.142.634.310

22. Vay


(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2018 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	333.036.368.425	506.065.561.764	(487.020.065.667)	352.081.864.522
Vay dài hạn đến hạn trả	25.812.100.000	19.115.300.000	(12.728.400.000)	32.199.000.000
	<hr/> 358.848.468.425	<hr/> 525.180.861.764	<hr/> (499.748.465.667)	<hr/> 384.280.864.522

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá Tổng công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	352.081.864.522	333.036.368.425

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình	VND	2018 - 2020	9.702.887.543	9.702.887.543
Khoản vay ngân hàng 2	VND	2015 - 2022	85.790.425.387	75.229.769.040
Khoản vay ngân hàng 3	USD	2015 - 2022	76.429.982.799	60.088.605.000
Vay cá nhân	VND	2018 - 2022	1.694.000.000	1.236.000.000
			173.617.295.729	146.257.261.583
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(32.199.000.000)	(25.812.100.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			141.418.295.729	120.445.161.583

Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không có tài sản đảm bảo và không chịu lãi.

Các khoản vay ngân hàng có lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 56.004 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 54.949 triệu VND) (Thuyết minh 13).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	2.498.688.769	10.305.238.935
Trích lập trong kỳ	15.516.000.000	17.463.000.000
Tăng khác	481.261.877	134.600.000
Sử dụng trong kỳ	(8.376.130.562)	(14.321.152.341)
Số dư cuối kỳ	10.119.820.084	13.581.686.594

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Phát hành cổ phiếu
 Lợi nhuận thuần trong kỳ
 Phân bổ vào các quỹ
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
 Cổ tức (Thuyết minh 26)

Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
100.000.000.000	170.000.000	70.120.819.147	55.780.780.485	226.071.599.632
80.000.000.000	39.828.000.000	-	-	119.828.000.000
-	-	-	25.221.505.859	25.221.505.859
-	-	6.156.000.000	(6.156.000.000)	-
-	-	-	(17.463.000.000)	(17.463.000.000)
-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

180.000.000.000	39.998.000.000	76.276.819.147	30.383.286.344	326.658.105.491
-----------------	----------------	----------------	----------------	-----------------

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018

Lợi nhuận thuần trong kỳ
 Phân bổ vào các quỹ
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
 Cổ tức (Thuyết minh 26)

189.000.000.000	46.268.000.000	76.276.819.147	56.885.594.269	368.430.413.416
-	-	-	25.045.745.715	25.045.745.715
-	-	5.172.000.000	(5.172.000.000)	-
-	-	-	(15.516.000.000)	(15.516.000.000)
-	-	-	(34.020.000.000)	(34.020.000.000)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

189.000.000.000	46.268.000.000	81.448.819.147	27.223.339.984	343.940.159.131
-----------------	----------------	----------------	----------------	-----------------

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	18.900.000	189.000.000.000	18.900.000	189.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.900.000	189.000.000.000	18.900.000	189.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.900.000	189.000.000.000	18.900.000	189.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

26. **Cổ tức**

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2017 với số tiền là 34.020 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 27.000 triệu VND).

27. **Quỹ đầu tư phát triển**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2018, Tổng công ty đã trích lập 5.172 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 6.156 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2017 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. *na*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	720.593	16.516.181.231	3.481.037	78.897.954.821
Euro (“EUR”)	8	200.105	13	358.937
		16.516.381.336		78.898.313.758

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	44.736.803.479	126.866.165.290
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	50.653.151.089	5.815.906.369
	95.389.954.568	132.682.071.659

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	7.886.902.830	7.300.672.680
Trong vòng hai đến năm năm	31.547.611.320	29.202.690.720
Sau năm năm	105.990.406.238	101.870.939.490
	145.424.920.388	138.374.302.890

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	927.607.037.979	1.035.998.443.211
▪ Cung cấp dịch vụ	15.656.610.743	9.766.968.484
▪ Gia công	315.557.221.660	332.872.484.942
	<hr/>	<hr/>
	1.258.820.870.382	1.378.637.896.637
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(245.234.605)	(262.933.355)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.258.575.635.777	1.378.374.963.282

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	453.924.946	842.885.862
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.500.698.116	7.944.418.857
Doanh thu hoạt động tài chính khác	164.140.282	279.864.709
	<hr/>	<hr/>
	7.118.763.344	9.067.169.428

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.897.315.364	5.580.917.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.831.395.967	5.076.168.920
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.743.170.605	-
Chi phí tài chính khác	4.884.020	2.625.347
	<u>14.476.765.956</u>	<u>10.659.712.115</u>

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.341.562.791	10.322.764.299
Chi phí quảng cáo	2.447.584.593	5.457.605.782
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	17.158.546.303	19.691.511.844
Chi phí xuất khẩu	12.112.160.660	12.086.880.738
Chi phí thuê cửa hàng	7.868.332.249	7.386.042.144
Chi phí bán hàng khác	23.722.600.260	28.539.748.573
	<u>74.650.786.856</u>	<u>83.484.553.380</u>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	45.448.840.091	46.836.834.024
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.514.559.354	13.428.421.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.743.512.124	21.912.336.402
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	27.587.511.184	14.215.222.629
	<u>93.294.422.753</u>	<u>96.392.814.286</u>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	152.350.909	554.117.274
Thu nhập khác	1.357.905.018	608.695.272
	<hr/>	<hr/>
	1.510.255.927	1.162.812.546

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	586.962.248.714	690.458.121.871
Chi phí nhân viên	364.085.985.409	367.187.179.908
Chi phí khấu hao và phân bổ	72.905.187.754	67.857.684.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.135.969.646	137.196.775.174
Chi phí khác	109.904.793.153	119.119.717.250
	<hr/>	<hr/>

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.189.585.500	30.440.850.366
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.014.174.675	2.230.845.167
	<hr/>	<hr/>
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	30.203.760.175	32.671.695.533
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất của Tổng công ty	6.040.752.035	6.534.339.107
Chi phí cho lao động nữ	(1.896.912.250)	(1.314.994.600)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.143.839.785	5.219.344.507

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.728.693.142	8.906.303.550
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.932.874.902	25.922.345
Công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Chia cổ tức	11.505.823.200	9.588.186.000
Bán hàng hóa	6.372.641.121	3.949.261.825
Mua dịch vụ	90.000.000	-
Công ty TNHH Thiệu Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.096.631.008	67.493.162.674
Bán hàng hóa và dịch vụ	12.075.646.483	1.100.372.139
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	6.197.368.105	3.215.622.300

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

